

Bản án số: 1082/2022/DSST
Ngày: 07/4/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Chí Quang.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cửu Long.

2. Ông Phạm Văn Phước.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 07/04/2022, tại phòng xử án dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 727/2021/TLST-DS ngày 02/12/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1708/2022/QĐXXST-DS ngày 29/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Văn Thị Cẩm H, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Số X Đường Y, Khu phố Z, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Huyền Đ, theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/10/2021.

Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc Xuân T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: số X đường T, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Đỗ Vĩnh N, theo Giấy ủy quyền lập ngày 28/3/2022.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Ngọc T, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Số X Đường Y, Khu phố Z, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Ngô Ngọc T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NHẬN THẤY

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/10/2021, nguyên đơn bà Văn Thị Cẩm H trình bày:

Bà Văn Thị Cẩm H (gọi tắt bà H) và ông Đỗ Ngọc Xuân T (gọi tắt ông T) có quan hệ vay tài sản hai lần: Ngày 19/03/2019 vay 100.000.000 đồng, ngày 30/03/2019 vay thêm 42.000.000 đồng. Tổng số tiền của hai lần vay là 142.000.000 đồng; Thời hạn vay đến ngày 10/04/2019 trả hết nợ; Không có thỏa thuận mức lãi suất.

Đến hạn trả nợ ngày 10/04/2019, ông T né tránh, không thiện chí trả tiền cho bà H như thỏa thuận nên các bên phát sinh tranh chấp và kéo dài đến nay. Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu Tòa án giải quyết.

1/ Buộc ông Đỗ Ngọc Xuân T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay là 142.000.000 đồng;

2/ Buộc ông Đỗ Ngọc Xuân T có trách nhiệm trả cho bà H tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xác định cụ thể các yêu cầu như sau:

- Buộc ông Đỗ Ngọc Xuân T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay là 142.000.000 đồng;

- Buộc ông Đỗ Ngọc Xuân T có trách nhiệm trả cho bà H tiền lãi theo quy định của pháp luật (phát sinh từ ngày 11/04/2019 đến ngày 07/04/2022) là 42.444.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi phải trả: 184.444.000 đồng. Trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm yêu cầu bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị đơn:

Ông Đỗ Vĩnh N đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày: Thừa nhận ông T có vay của bà H số tiền gốc là 142.000.000 đồng đến nay chưa trả được nợ. Tại phiên tòa, ông Đỗ Vĩnh N thừa nhận ông T có trách nhiệm trả cho bà H toàn bộ nợ gốc còn thiếu là 142.000.000 đồng, nhưng hiện nay ông T đang làm công nhân tại Đắc Lắc, tỉnh Gia Lai, với thu nhập lương khoảng 12.000.000đ/tháng nên khả năng chỉ trả dần 6.000.000đ/tháng, kể từ tháng 04/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Ông T chấp nhận trả số lãi phát sinh theo mức lãi suất pháp luật quy định, thực hiện trả nợ gốc trước, trả lãi sau.

Ý kiến của người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Công ý kiến, lời khai của ông Ngô Ngọc T tại Bản tự khai ngày 14/12/2021: Ông T là chồng của bà Văn Thị Cẩm H, ông T đồng ý và thống nhất với các yêu cầu của nguyên đơn, và ông T không có ý kiến gì khác.

XÉT THẤY

Sau khi xem xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện:

Vụ kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa các chủ thể cá nhân là tranh chấp dân sự theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H tranh chấp đối với ông T về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản là phải trả nợ theo cam kết (số tiền vay nợ theo hợp đồng) được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Đương sự đang cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức không tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp được qui định tại khoản 2 điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét cần thiết phải đưa ông Ngô Ngọc T (chồng bà H) vào tham gia tố tụng vụ án với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Ông T đã cung cấp chứng cứ, bản tự khai và có đơn đề ngày 14/12/2021 xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đương sự và xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục chung.

- *Phạm vi giải quyết vụ án:* Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi các yêu cầu của nguyên đơn.

Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đương sự đã thực hiện đầy đủ. Xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu và các chứng cứ của đương sự giao nộp, được công bố tại phiên tòa, là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 điều 6, điều 91, 92, 95, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Xét các Giấy vay mượn tiền lập ngày 19/03/2019 và ngày 30/03/2019 được ký bởi các chủ thể có năng lực hành vi dân sự, có hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp pháp luật. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn và cho bị đơn thống nhất thừa nhận số nợ gốc còn phải trả theo các Giấy vay mượn tiền là số tiền 142.000.000 đồng nên căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xét đây là tình tiết rõ ràng, được các bên đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh. Hội đồng xét xử, xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà H toàn bộ số nợ gốc là 142.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của người đại diện hợp pháp cho ông T tại phiên tòa, đề nghị cho ông T được trả dần số nợ gốc 142.000.000 đồng, với mỗi tháng trả 6.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc. Xét thấy đã quá thời hạn trả nợ theo cam kết (ngày 10/04/2019) mà các bên không có ký văn bản thỏa thuận mới để kéo dài thời hạn trả nợ. Tại phiên tòa đề nghị trả nợ 6.000.000đ/tháng của người đại diện hợp pháp cho ông T không được người đại diện hợp pháp cho bà H chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận việc cho ông T trả nợ dần mỗi tháng là 6.000.000 đồng. Buộc ông T phải có trách nhiệm trả ngay một lần toàn bộ nợ gốc là 142.000.000 đồng, ngay sau khi bản có hiệu lực pháp luật.

3.2 Tại phiên tòa, các bên đương sự không tranh chấp về lãi suất và thống nhất tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 này”*. Việc tính lãi được xác định tính trên dư nợ gốc 142.000.000 đồng, kể từ ngày 11/04/2019 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 07/04/2022, theo mức lãi suất luật định: $(142.000.000đ \times 10\%/năm \times 1.091 \text{ ngày})/365 = 42.444.000 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên đây, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Ngọc Xuân T có trách nhiệm trả cho bà Văn Thị Cẩm H số nợ gốc 142.000.000 đồng và lãi chậm trả 42.444.000 đồng. Tổng cộng: 184.444.000 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành và thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Ngọc Xuân T phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, là khoản nợ phải trả 184.444.000 đồng.

Bà Văn Thị Cẩm H không phải chịu án phí sơ thẩm, bà H được nhận toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92; Điều 95, 96 và Điều 210; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, 228; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9; Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Đỗ Ngọc Xuân T có trách nhiệm trả cho bà Văn Thị Cẩm H số nợ gốc 142.000.000 đồng và lãi chậm trả 42.444.000 đồng. Tổng cộng: 184.444.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Ngọc Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.222.200 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Văn Thị Cẩm H được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.550.000 đồng, theo Biên lai thu số AA/2021/0024761 ngày 26/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Chí Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA